

Theo lộ trình tại Thông tư 22/2019/TT-NHNN, tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn (SMLR) đã được điều chỉnh giảm dần từ 40% xuống 30% và chính thức áp dụng từ ngày 1/10/2023. Tuy nhiên, trong Thông tư 25 ban hành ngày 22/6/2026, Ngân hàng Nhà nước đã chính thức nâng giới hạn này trở lại mức tối đa 40% đối với các ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư 25 có hiệu lực từ 01/07/2026.

Việc nâng tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn lên 40% cho thấy ưu tiên của NHNN trong việc hỗ trợ dòng vốn cho nền kinh tế.

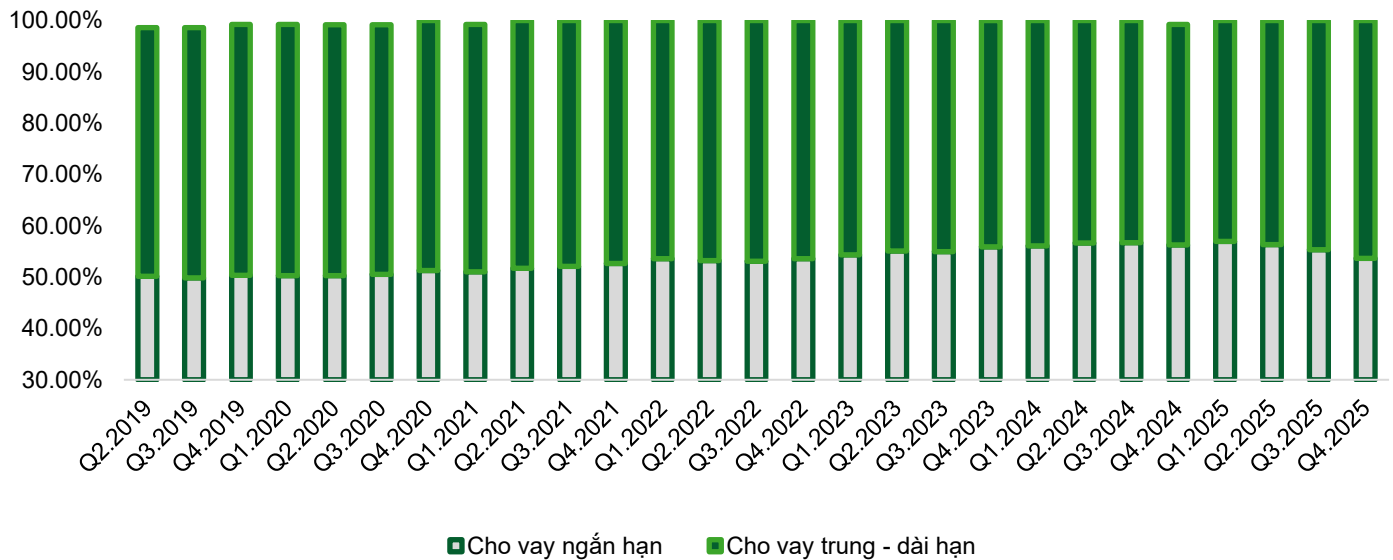
Những nội dung chính của Thông tư 25 và dự thảo sửa đổi Thông tư 22:

Giai đoạn	Quy định quản lý thanh khoản	Bản chất kỹ thuật
Hiện tại đến trước 2028	Kiểm soát tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn dưới mức trần 40% (có hiệu lực từ ngày 1/7/2026).	Vùng đệm hành chính: Dùng một chỉ tiêu cơ học thô sơ để ép các ngân hàng không được quá liều lĩnh lấy vốn ngắn hạn để cho vay dài hạn.
Giai đoạn khuyến khích	Áp dụng NSFR tự nguyện (Sớm hơn 2028).	Cơ chế đặc cách: Ngân hàng nào đủ năng lực quản trị theo chuẩn Basel III và đạt NSFR 100% sẽ được NHNN cởi trói hoàn toàn, miễn áp dụng trần 40%.
Từ 01/01/2028 trở đi	Áp dụng NSFR bắt buộc (Tối thiểu 90% năm 2028 và đạt 100% từ năm 2030).	Chuẩn hóa quốc tế: Xóa bỏ hoàn toàn cách quản lý định tính cũ, thay bằng NSFR - đo lường chính xác mức độ ổn định cấu trúc tài sản và nguồn vốn theo chiều sâu.

Tác động của Thông tư 25 đến hệ thống ngân hàng:

- **Tạo dư địa để các ngân hàng thúc đẩy tín dụng kỳ hạn trung và dài hạn, qua đó nâng cao khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế:** Theo chúng tôi ước tính, tỷ trọng dư nợ cho vay trung dài hạn của hệ thống ngân hàng sẽ trở lại mức 48-49% như giai đoạn 2020-2021 (năm 2025 ghi nhận tỷ lệ 46%), tương đương tốc độ tăng trưởng ước tính đạt 23% ytd trong năm 2026. Dự báo, Thông tư 25 có thể giúp tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn tăng thêm 10% (nới trần từ 30% lên 40%) tương đương với lượng dư nợ trung dài hạn tối đa có thể bơm thêm vào nền kinh tế ước tính đạt khoảng 1 triệu tỷ đồng. Phần dư nợ tăng thêm này chủ yếu sẽ hỗ trợ các ngành có chu kỳ hoàn vốn dài như bất động sản, năng lượng tái tạo, đầu tư công và hạ tầng công nghiệp. Theo đó, tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn ngành kỳ vọng đạt 17% ytd.

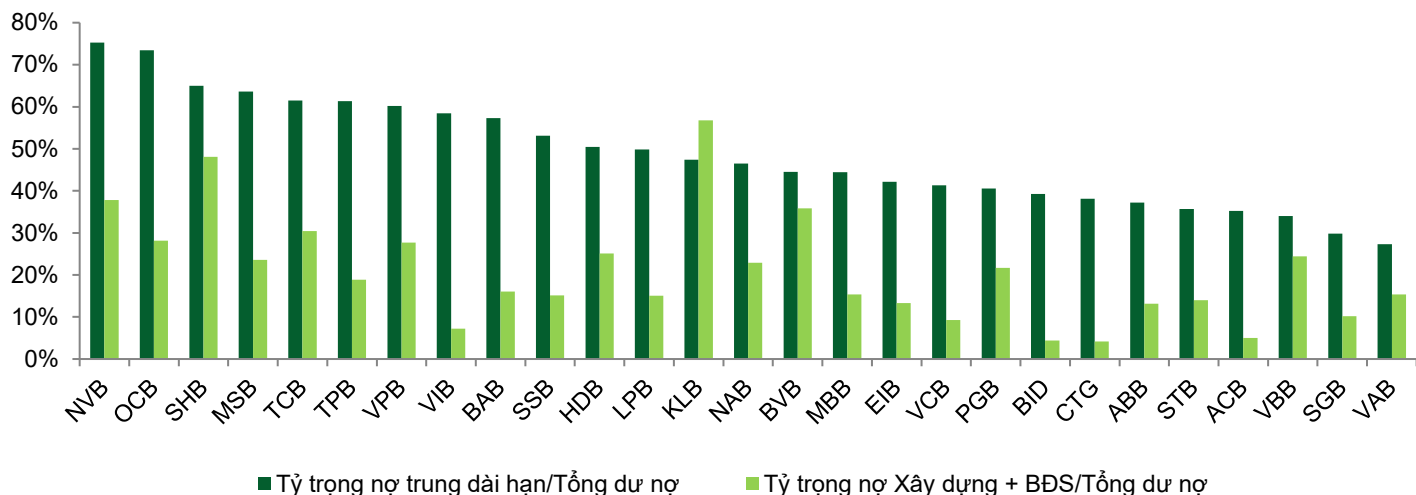
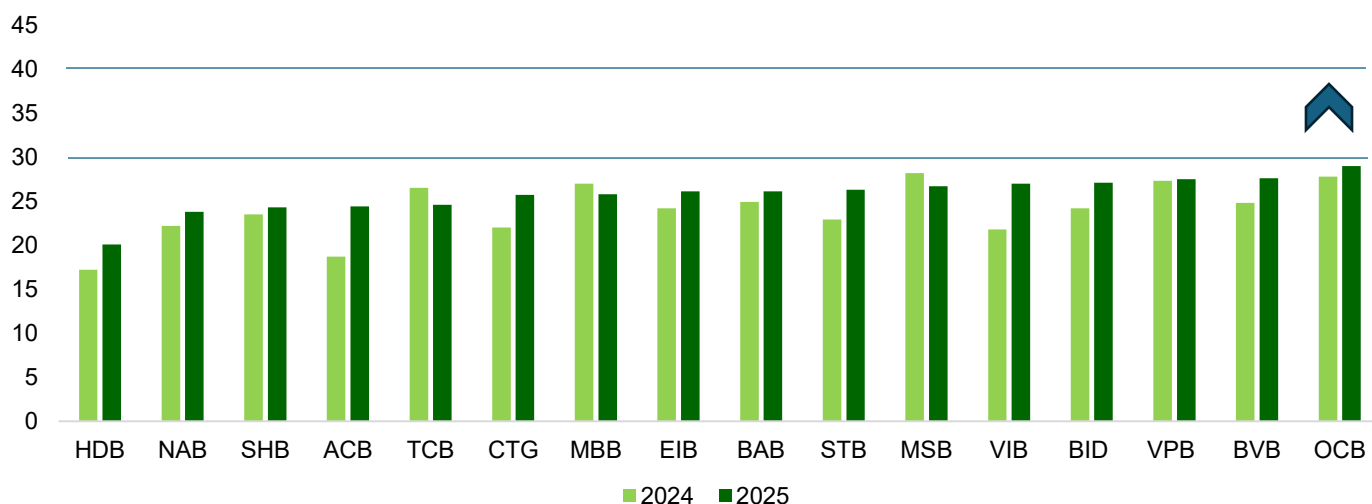
→ Việc nâng trần lên 40% không phải là sự "lùi bước" trong quản trị rủi ro, mà là **biện pháp nới lỏng có tính toán để hỗ trợ nền kinh tế**, tạo thời gian và không gian cho các ngân hàng tích lũy nguồn lực trước khi bước vào giai đoạn chuẩn hóa Basel III khắt khe hơn từ năm 2028.

Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn của ngành


- Hỗ trợ giảm áp lực huy động vốn kỳ hạn dài và tạo động lực cải thiện NIM: Trong bối cảnh lãi suất huy động dài hạn thường cao hơn đáng kể so với kỳ hạn ngắn, việc được phép sử dụng nhiều hơn nguồn vốn ngắn hạn sẽ giúp áp lực phải phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 kỳ hạn dài với lãi suất cao, góp phần cải thiện chi phí vốn và hỗ trợ NIM của ngân hàng trong nửa cuối năm 2026.

Theo đó chúng tôi đánh giá triển vọng của từng nhóm ngân hàng với việc Thông tư 25 được thông qua:

- Nhóm ngân hàng quốc doanh (BID, CTG, VCB) luôn duy trì tỷ lệ SMLR ở mức rất an toàn (dao động từ 20% – 25%). Nhóm này sở hữu lợi thế lớn về cấu trúc tiền gửi có kỳ hạn dài ổn định và lượng vốn điều lệ lớn. Cùng với việc sửa đổi công thức tính LDR cho phép bổ sung trở lại 20% số dư tiền gửi có kỳ hạn của KBNN vào huy động, nhóm này sẽ được hỗ trợ thanh khoản nhằm thúc đẩy tín dụng các lĩnh vực xây dựng đầu tư công, tài trợ dự án hạ tầng giao thông, năng lượng....
- Nhóm ngân hàng tư nhân lớn (TCB, MBB, STB, ACB, VPB) kiểm soát tỷ lệ SMLR ổn định xung quanh mức khá cao 24% – 27%. Nhóm này tận dụng tốt dòng tiền gửi không kỳ hạn (CASA) dồi dào để tối ưu hóa chi phí vốn mà không vi phạm quy định rủi ro kỳ hạn. Dự thảo được thông qua sẽ tạo thêm dư địa đẩy mạnh cho vay các phân khúc có lợi suất cao như cho vay mua nhà, cho vay dự án hạ tầng và bất động sản, đồng thời giảm nhu cầu huy động vốn dài hạn với chi phí cao, qua đó hỗ trợ cải thiện NIM.
- Nhóm ngân hàng quy mô vừa và nhỏ: Một số ngân hàng quy mô nhỏ có tỷ trọng cho vay xây dựng – BĐS rất cao và đang bám sát trần quy định với mức tỷ lệ SMLR sát ngưỡng 29% - 30%. Việc NHNN đề xuất nâng trần lên 40% đã tháo gỡ áp lực trực tiếp cho nhóm ngân hàng quy mô vừa và nhỏ, giảm bớt cuộc đua lãi suất huy động kỳ hạn dài.
- Nhóm tiên phong triển khai sớm Basel III (VIB, TCB, ACB, VPB, HDB, TPB, OCB) sẽ có lợi thế lớn nhờ việc được miễn áp dụng trần vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn và nói lỏng room tăng trưởng tín dụng. Nhờ đó, các ngân hàng này có thể tối ưu hóa việc sử dụng vốn và bảo vệ NIM, đồng thời chủ động cân bằng giữa rủi ro và tăng trưởng trong dài hạn.

Tỷ trọng nợ trung dài hạn các ngân hàng cuối 2025

Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của một số ngân hàng


Tuy nhiên việc nới lỏng tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn cũng đặt ra những thách thức cho hệ thống ngân hàng:

Việc nới lỏng giới hạn này cũng làm gia tăng yêu cầu đối với công tác quản trị rủi ro thanh khoản các ngân hàng trong bối cảnh cơ cấu nguồn vốn của hệ thống ngân hàng hiện vẫn chủ yếu dựa vào tiền gửi ngắn hạn dưới 12 tháng (chiếm 80-90% tổng tiền gửi), trong khi nhu cầu tín dụng của nền kinh tế tập trung nhiều ở các khoản vay trung và dài hạn. Điều này có thể làm gia tăng chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản và nguồn vốn, cũng như yêu cầu chiến lược tối ưu hóa danh mục và quản trị rủi ro thanh khoản hợp lý của các ngân hàng cho từng giai đoạn.

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Khuyến nghị Chi tiết

MUA Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên trong vòng 12 tháng tới

TRUNG LẬP Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15% trong vòng 12 tháng tới

BÁN Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15% trong vòng 12 tháng tới.

Khả năng sinh lời của cổ phiếu được tính bằng tổng của tiềm năng tăng giá kể từ thời điểm công bố báo cáo (đã điều chỉnh), và tỷ suất cổ tức tiền mặt dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 06 tháng.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Giám đốc phân tích

Lê Đức Quang

Trưởng phòng PT Ngành – Doanh nghiệp

ldquang@vcbs.com.vn

Nguyễn Thị Thùy Dung

Chuyên viên phân tích cao cấp

nttdung01@vcbs.com.vn

Nguyễn Hạnh Linh

Chuyên viên phân tích cao cấp

nhlinh1@vcbs.com.vn

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

<https://vcbs.com.vn/trung-tam-phan-tich>

Bloomberg: VCBS <GO>